

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 556/2022/DS-PT

Ngày 12/9/2022

V/v tranh chấp đòi tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Anh Minh

Các Thẩm phán:

Bà Lê Thị Mỹ Nhung;

Ông Nguyễn Đình Đức.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Lương – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Huỳnh Thiện - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06/9/2022 và 12/9/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 235/2022/TLPT-DS ngày 22 tháng 7 năm 2022 về việc “Tranh chấp đòi tài sản”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 1774/2022/DS-ST ngày 24/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố X, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo, kháng nghị;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4133/2022/QĐPT-DS ngày 29/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11315/2022/QĐ-PT ngày 16/8/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phan Văn K, sinh năm 1935 (Đã chết).

Địa chỉ: Số 1019/10, đường U, Khu phố M, phường H, thành phố X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông K gồm có:

1. Ông Phan Văn Đ, sinh năm 1958

Địa chỉ: Tổ Q, ấp P, xã S, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Phan Văn B, sinh năm 1960 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 10/2 đường K, Khu phố A, phường R, thành phố X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Phan Văn B: Luật sư Trần Quang T1 – Thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

3. Bà Phan Thị Kim T, sinh năm 1964

Địa chỉ: Số 1107/14 đường U, khu phố E, phường G, thành phố X, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Ông Phan Tấn L, sinh năm 1973

Địa chỉ: Số 1279, Tổ Q, khu phố P, phường G, thành phố X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phan Tấn L, ông Phan Văn Đ và bà Phan Thị Kim T là ông Phan Văn B (Theo Giấy ủy quyền số 15397 ngày 30/8/2022).

5. Bà Phan Kim Đ, sinh năm 1971 (Mất năng lực hành vi)

Địa chỉ: Số 1019/4 đường U, phường H, thành phố X, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Ông Phan Văn T, sinh năm 1976 (Mất năng lực hành vi dân sự)

Địa chỉ: Số 1025/44 đường U, phường H, thành phố X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người giám hộ của ông Phan Văn T và bà Phan Kim Đ là ông Phan Văn B.

- *Bị đơn:* Bà Lưu Thị Hoàng O, sinh năm 1961 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 1019/10 đường U, Khu phố M, phường H, thành phố X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn bà Lưu Thị Hoàng O: Luật sư Lê Đức N1 – Thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B1 (Có mặt).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Phan Văn Đ, sinh năm 1958

Địa chỉ: Tổ Q, ấp P, xã S, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Phan Văn B, sinh năm 1960 (Có mặt).

Địa chỉ: Số 10/2, Đường K, Khu phố A, phường R, thành phố X, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bà Phan Thị Kim T, sinh năm 1964

Địa chỉ: Số 1107/14 đường U, khu phố E, phường G, thành phố X, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Ông Phan Tấn L, sinh năm 1973

Địa chỉ: Số 1279, Tổ Q, khu phố P, phường G, thành phố X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phan Tấn L, ông Phan Văn Đ và bà Phan Thị Kim T là ông Phan Văn B (Theo Giấy ủy quyền số 15397 ngày 30/8/2022).

5. Bà Phan Kim Đ, sinh năm 1971 (Mất năng lực hành vi dân sự)

Địa chỉ: Số 1019/4 đường U, phường H, thành phố X, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Ông Phan Văn T, sinh năm 1976 (Mất năng lực hành vi)

Địa chỉ: Số 1025/44 đường U, phường H, thành phố X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người giám hộ của ông Phan Văn T và bà Phan Kim Đ là ông Phan Văn B.

7. Ông Phan Tấn N, sinh năm 1983

Địa chỉ: Số 1019/10 đường U, Khu phố M, phường H, thành phố X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phan Tấn N là ông Trần Ngọc T2;
Địa chỉ: xã H1, huyện K1, tỉnh Y (theo Giấy ủy quyền ngày 15/8/2022).

8. Ông Lưu Huỳnh N2, sinh năm 1996 (Vắng mặt).

9. Bà Sơn Thị D, sinh năm 1991 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 1019/10 đường U, Khu phố M, phường H, thành phố X, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Lưu Thị Hoàng O.

- *Viện Kiểm sát kháng nghị:* Viện Kiểm sát nhân dân thành phố X, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn và người đại theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ông Phan Văn K là người có công trong hai thời kỳ kháng chiến và thuộc diện được hưởng chính sách của nhà nước. Năm 1979, ông K được Ủy ban nhân dân xã H (nay là phường H, thành phố X, Thành phố Hồ Chí Minh) giao sử dụng một thửa đất, nay tọa lạc tại địa chỉ số 1019/10 đường U, Khu phố M, phường H, thành phố X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đến ngày 30/11/1999, ông K có đi đăng ký kê khai nhà – đất tại Ủy ban nhân dân xã H (nay là phường H). Theo tờ khai đăng ký nhà – đất này thì thửa đất trên thuộc tờ bản đồ số 7, có diện tích 78m² (Bảy mươi tám mét vuông), mục đích sử dụng đất là để ở; trên thửa đất có một căn nhà cấp 4 do ông K xây dựng

từ tháng 01/1993, tổng diện tích sàn xây dựng là 40m²; đồng thời hiện trạng nhà đất không có tranh chấp.

Ngày 02/5/2007, ông K đăng kí kết hôn với bà Châu Mai C1 theo Giấy chứng nhận đăng kí kết hôn số 17, quyển số 01, tại UBND xã H, Quận C2, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông K và bà C1 cùng chung sống tại địa chỉ số 1019/10 đường U, Tổ Q, Khu phố M, phường H, thành phố X, Thành phố Hồ Chí Minh, đến năm 2015 thì bà C1 chết. Tuy nhiên đến tháng 6/2020, bà Lưu Thị Hoàng O tự nhận mình là con gái bà C1 chuyển vào sinh sống tại căn nhà của ông K và tiến hành việc sửa chữa xây dựng lại nhà khi chưa hỏi xin ý kiến, cũng như không có sự cho phép của ông K.

Ông K vì tuổi già, sức yếu không thể ngăn cấm được hành vi xâm phạm chỗ ở bất hợp pháp, chiếm đoạt, xây dựng trái phép nhà và đất của bà O. Mặc dù, ông K đã nhiều lần nhắc nhở, đồng thời yêu cầu bà O chuyển ra khỏi căn nhà của ông K toạ lạc số 1019/10 đường U, Tổ Q, Khu phố M, phường H, thành phố X, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng bà O vẫn không chấp hành vì cho rằng đây là căn nhà do bà C1 để thừa kế lại cho bà O.

Ngày 03/7/2020, ông K đã làm đơn xin giải quyết tranh chấp gửi đến Ủy ban nhân dân phường H và đã tiến hành hoà giải với bà O nhưng không thành. Hiện nay, vì sự an toàn của bản thân ông K phải chuyển về ở với các con ruột của mình. Do đó, ông Phan Văn K yêu cầu:

Buộc bà Lưu Thị Hoàng O giao trả cho ông K quyền sử dụng đất có diện tích đo đạc hiện trạng là 78m², thuộc tờ bản đồ số 34; giao trả căn nhà gắn liền với đất có tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 40m², toạ lạc tại địa chỉ số 1019/10 đường U, Tổ Q, Khu phố M, phường H, thành phố X, Thành phố Hồ Chí Minh cùng các tài sản khác của ông K trong căn nhà.

** Bị đơn bà Lưu Thị Hoàng O trình bày:*

Mẹ tôi là bà Châu Mai C1, sinh năm 1939, chủ hộ căn nhà số 1019/10 đường U, Tổ Q, Khu phố M, phường H, thành phố X, Thành phố Hồ Chí Minh, bà Châu Mai C1 mua lại diện tích đất khoảng 71m², trị giá 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) của ông Phan Văn K, mua vào ngày 15/6/2001 (âm lịch) bằng giấy tờ tay ông Phan Văn K và ông Phan Văn T đồng ký tên, hiện nay giấy tờ tay bị thất lạc.

Ngày 21/6/2001(âm lịch) bà Châu Mai C1 xây nhà cấp 4, trong vòng 20 ngày xong, tôi cùng con trai út của tôi sống chung bà C1 tại căn nhà số 1019/10 đường U, Tổ Q, Khu phố M, phường H, thành phố X, Thành phố Hồ Chí Minh cho đến nay.

Ông Phan Văn K và bà Châu Mai C1 kết bạn năm 2007 và về ở chung gia đình tôi, hai người không có con chung. Năm 2015 bà Châu Mai C1 mất, ông K vẫn sống chung gia đình tôi và chúng tôi cư mang.

Ngày 19/6/2020, gia đình vợ chồng con trai lớn là ông Phan Tấn N, bà Sơn Thị D cùng tôi về sống chung căn nhà số 1019/10 đường U cho đến nay. Trong quá trình sống chung chúng tôi có sửa chữa căn nhà số 1019/10 đường U, ông Phan Văn K đã gây khó khăn và tranh chấp tại phường H, được chính quyền địa phương hòa giải không được, ông K vẫn sống chung gia đình tôi và chúng tôi cư mang từ khi bà C1 mất cho đến nay. Nay ông K yêu cầu đòi lại nhà số 1019/10 đường U, tôi không đồng ý vì nguồn gốc nhà và đất là của bà Châu Mai C1, tôi chỉ cư mang ông K đến khi ông mất.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Buộc bà Lưu Thị Hoàng O giao trả cho ông Phan Văn K quyền sử dụng đất có diện tích bằng diện tích nhà đo đạc hiện trạng là 62m², thuộc tờ bản đồ số 34; giao trả căn nhà gắn liền với đất có tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 62m², tọa lạc tại địa chỉ số 1019/10 đường U, Tổ Q, Khu phố M, phường H, thành phố X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn bà Lưu Thị Hoàng O: Vẫn giữ nguyên ý kiến không đồng ý yêu cầu của ông Phan Văn K trong đơn khởi kiện và tại phiên tòa.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 1774/2022/DS-ST ngày 24/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố X, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn K:

1.1 Buộc bà Lưu Thị Hoàng O và các ông Phan Tấn N, ông Lưu Huỳnh N2 và bà Sơn Thị D đang sống cùng bà Lưu Thị Hoàng O tại căn nhà và đất số 1019/10 U, phải chịu trách nhiệm liên đới chung với bà Lưu Thị Hoàng O trả cho ông Phan Văn K căn nhà diện tích sàn xây dựng 62m², diện tích khuôn viên 62m², thuộc tờ bản đồ số 34, Bộ địa chính phường H, Quận C2 (Theo Tài liệu 2003) nay thuộc phường H, thành phố X, Thành phố Hồ Chí Minh, tọa lạc tại số 1019/10 đường U, Tổ Q, Khu phố M, phường H, thành phố X, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Bản đồ hiện trạng vị trí, ngày 03/02/2021 của Trung tâm đo đạc bản đồ Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

1.2 Ông Phan Văn K trả lại phần trị giá sửa chữa nhà số 1019/10 đường U, Tổ Q, Khu phố M, phường H, thành phố X, Thành phố Hồ Chí Minh cho bà Lưu Thị Hoàng O là 18.032.000đ (Mười tám triệu không trăm ba mươi hai ngàn đồng).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, bên phải thi hành nếu chưa trả hết các khoản tiền nêu trên thì phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn của Ngân hàng Nhà nước tương ứng với thời gian chưa thi hành án trên khoản tiền chưa thi hành án.

2. Về án phí sơ thẩm:

Bà Lưu Thị Hoàng O phải nộp án phí sơ thẩm: 41.620.080đ (Bốn mươi một triệu sáu trăm hai mươi ngàn không trăm tám mươi đồng).

Ông Phan Văn K phải chịu án phí là 901.600đ (Chín trăm lẻ một nghìn sáu trăm đồng). Ông Phan Văn K, sinh năm 1935, căn cứ Điểm đ khoản 1 Điều 12, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV, ông Phan Văn K được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Về lệ phí: Chi phí thẩm định tại chỗ, thẩm định giá mỗi bên chịu 1/2, cụ thể bà Lưu Thị Hoàng O phải chịu là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), bà Lưu Thị Hoàng O phải trả lại cho ông Phan Văn K đã tạm ứng chi phí tố tụng là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), ông Phan Văn K phải chịu chi phí tố tụng trên là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), nhưng được trừ vào số tiền ông Phan Văn K đã tạm ứng chi phí tố tụng, nên ông Phan Văn K đã nộp đủ.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

** Kháng cáo, kháng nghị:*

Ngày 24/5/2022, bị đơn bà Lưu Thị Hoàng O có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 1774/2022/DS-ST ngày 24/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố X, Thành phố Hồ Chí Minh, nội dung yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 08/6/2022 Viện kiểm sát nhân dân thành phố X, Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định kháng nghị số 2941/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị một phần bản án sơ thẩm số 1774/2022/DS-ST ngày 24/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố X, Thành phố Hồ Chí Minh, nội dung đề nghị cấp phúc thẩm sửa án phí theo án phí vụ án không có giá ngạch, sửa phần quyết định về chi phí thẩm định giá và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ; Đề nghị Tòa tuyên đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với phần diện tích đất 191,7m².

** Tại phiên tòa phúc thẩm:*

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh rút một phần kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố X về nội dung cấp sơ thẩm không tuyên đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn đối với phần diện tích đất 191,7m²; Giữ nguyên kháng nghị về án phí, lệ phí.

- Người kháng cáo là bị đơn bà Lưu Thị Hoàng O trình bày yêu cầu kháng cáo: Đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, lý do: Cấp sơ thẩm chưa thu thập hồ sơ địa chính nhà đất và chưa xem xét về việc bà Châu Mai C1 có thời gian sử dụng ổn định lâu dài đối với nhà đất tranh chấp.

- Đại diện những người kế thừa quyền nghĩa vụ của nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tự nguyện hỗ trợ 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) cho bà O và cho bà O, ông N, ông N2 và bà D được lưu trú 04 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật để bị đơn có thời gian di dời và tìm nơi ở mới.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phan Tấn N có ông Trần Ngọc T2 đại diện theo ủy quyền trình bày: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà O.

- *Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người kháng cáo bị đơn bà O trình bày:* Đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, lý do:

+ Cấp sơ thẩm xác định sai quan hệ tranh chấp, quan hệ tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp quyền sử dụng đất.

+ Các tài liệu bà O đã nộp cho Tòa gồm: Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận năm 2013; Sổ hộ khẩu; Hợp đồng sử dụng điện ngày 16/9/2002; Hợp đồng sử dụng nước ngày 01/8/2009; Quyết định cấp sổ nhà của UBND Quận C2 (cũ) thể hiện việc bà Châu Mai C1 sử dụng ổn định lâu dài đất do đó bà C1 có quyền sử dụng đất.

+ Cấp sơ thẩm chưa thu thập hồ sơ địa chính của thửa đất đang tranh chấp.

+ Cấp sơ thẩm chưa xem xét quan hệ thừa kế đất tranh chấp là chưa giải quyết triệt để vụ án.

- *Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn vì với các chứng cứ nguyên đơn cung cấp cho Tòa đã đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:*

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến diễn biến phiên tòa phúc thẩm, các đương sự được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Lưu Thị Hoàng O; Chấp nhận 01 phần kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố X, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 1774/2022/DS-ST ngày 24/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố X về án phí, lệ phí.

Đề nghị ghi nhận sự tự nguyện của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn là hỗ trợ 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) cho bà Lưu Thị Hoàng O và cho bà Lưu Thị Hoàng O và các ông, bà Phan Tấn N, Lưu Huỳnh N2, Sơn Thị D được lưu trú 04 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, để bị đơn có thời gian di dời và tìm nơi ở mới.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố X, Thành phố Hồ Chí Minh và kháng cáo của bị đơn bà Lưu Thị Hoàng O, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn bà Lưu Thị Hoàng O; Quyết định kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố X, Thành Phố Hồ Chí Minh đảm bảo đúng quy định về thời hạn và thủ tục kháng cáo, kháng nghị do đó về hình thức là hợp lệ.

Trong quá trình xét xử phúc thẩm thì nguyên đơn ông Phan Văn K đã chết vào ngày 27/6/2022, theo giấy Trích lục khai tử số 318/2022/TLKT-BS ngày 27/6/2022 của UBND phường H, thành phố X, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo Tờ tường trình về quan hệ nhân thân số 3454 quyển số 01 ngày 30/8/2022 tại UBND phường R, thành phố X, Thành phố Hồ Chí Minh và Bản tường trình của ông Phan Văn B ngày 30/8/2022 thì ông Phan Văn K có cha là ông Phan Văn T3 (chết năm 1978) và mẹ là bà Dương Thị T4 (chết năm 1980), vợ là bà Nguyễn Thị B1 (chết năm 1988). Ông K và bà Nguyễn Thị B1 có 06 người con là ông Phan Văn Đ, ông Phan Văn B, bà Phan Thị Kim T, ông Phan Tấn L, bà Phan Kim Đ, ông Phan Văn T. Năm 2007 ông K kết hôn với bà Châu Mai C1 (chết năm 2015) không có con chung. Do đó Hội đồng xét xử xác định các ông, bà Phan Văn Đ, Phan Văn B, Phan Thị Kim T, Phan Tấn L, Phan Kim Đ, Phan Văn T là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông K. Tại phiên tòa phúc thẩm các ông, bà Đ, T, L cùng ủy quyền cho ông B; Bà Đ và ông T2 mất năng lực hành vi dân sự nên ông B được các anh chị em đồng ý cử làm người đại diện cho bà Đ, ông T2 trong vụ án này.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lưu Huỳnh N2, bà Sơn Thị D vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung kháng cáo, kháng nghị:

Xét kháng cáo của bị đơn bà Lưu Thị Hoàng O nhận thấy:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ gồm: Tờ đăng ký nhà đất ngày 30/11/1999 của ông Phan Văn K; Quyết định số 164/QDD-UBND-QLĐT ngày 22/02/2006 của Ủy ban nhân dân Quận C2 (nay là thành phố X, Thành phố Hồ Chí Minh) về việc cấp số nhà 1019/10 đường U, Tổ Q, Khu phố M, phường H,

thành phố X, Thành phố Hồ Chí Minh; Công văn số 64/UBND ngày 23/3/2021 của Ủy ban nhân dân phường H, thành phố X, Thành phố Hồ Chí Minh, về việc xác minh nhà số 1019/10 đường U, Tổ Q, Khu phố M, phường H, thành phố X, Thành phố Hồ Chí Minh; Công văn số 171/UBND ngày 18/4/2022 của Ủy ban nhân dân phường H, thành phố X, Thành phố Hồ Chí Minh, về việc cung cấp thông tin liên quan đến căn nhà số 1019/10 đường U, Tổ Q, Khu phố M, phường H, thành phố X, Thành phố Hồ Chí Minh có căn cứ xác định ông Phan Văn K có quyền về tài sản đối với nhà đất tại số 1019/10 đường U, Tổ Q, Khu phố M, phường H, thành phố X, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà O trình bày mẹ bà là bà Châu Mai C1 mua lại diện tích đất trên của ông Phan Văn K, nhưng không có chứng cứ thể hiện việc mua bán nhà đất. Bà O không chứng minh được đây là tài sản riêng của bà C1, cũng như không chứng minh được bà C1 đã tặng cho nhà đất cho mình. Trong vụ án này do ông K chỉ khởi kiện đòi nhà, bà O không đặt ra yêu cầu Tòa xem xét nhà đất là tài sản chung của bà C1 và ông K, không tranh chấp chia thừa kế do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét ý kiến kháng cáo của bà O về việc bà Châu Mai C1 có thời gian sử dụng ổn định lâu dài đối với nhà đất tranh chấp. Nếu sau này bà O có yêu cầu chia thừa kế hoặc xác định tài sản chung của bà C1 sẽ được giải quyết bằng vụ án khác. Do đó yêu cầu kháng cáo của bị đơn và ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là không có cơ sở chấp nhận.

Từ phân tích trên bản án sơ thẩm tuyên xác định căn nhà và đất số 1019/10 đường U, Tổ Q, Khu phố M, phường H, thành phố X, Thành phố Hồ Chí Minh không phải tài sản của bà Lưu Thị Hoàng O, buộc bị đơn bà O trả lại tài sản nhà và đất số 1019/10 U là có cơ sở, phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 155, Điều 158, khoản 2 Điều 164, Điều 169 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện những người kế thừa quyền nghĩa vụ của nguyên đơn tự nguyện hỗ trợ 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) cho bà Lưu Thị Hoàng O và cho bà Lưu Thị Hoàng O và các ông, bà Phan Tấn N, Lưu Huỳnh N2, Sơn Thị D được lưu trú 04 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật để bị đơn có thời gian di dời và tìm nơi ở mới. Đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

Xét kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố X, Thành phố Hồ Chí Minh nhận thấy: Cần sửa bản án sơ thẩm về án phí và lệ phí cụ thể: Bản án sơ thẩm tuyên buộc bà O chịu án phí theo trường hợp vụ án có giá ngạch là chưa đúng do đây là tranh chấp về đòi tài sản nên căn cứ khoản 1 Điều 7 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV án phí tính theo vụ án không có giá ngạch; Về chi phí thẩm định giá là 35.000.000 đồng, xét thấy do nguyên đơn có yêu cầu thẩm định giá và phía bị đơn không có yêu cầu nguyên đơn trả chi phí sửa chữa nhà và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn tự nguyện trả phần chi phí sửa chữa cho bị đơn do đó phần chi phí thẩm định giá nguyên đơn chịu là đúng quy định. Về chi phí xem xét thẩm

định tại chỗ 5.000.000 đồng do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, nguyên đơn đã nộp tạm ứng nên bà O có trách nhiệm trả lại 5.000.000 đồng cho nguyên đơn.

Do Viện Kiểm sát Thành phố Hồ Chí Minh rút một phần kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố X. Về nội dung cấp sơ thẩm không tuyên đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn về phần diện tích đất 191,7m² nên cần đình chỉ xét xử phúc thẩm đối phúc thẩm đối với phần kháng nghị này.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên án phí phúc thẩm người kháng cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 289, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 155, Điều 158, khoản 2 Điều 164, Điều 166, Điều 169, Điều 170 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm e khoản 1 Điều 50, khoản 1 Điều 136 Luật Đất đai năm 2003; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Lưu Thị Hoàng O.

- Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố X, Thành phố Hồ Chí Minh, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 1774/2022/DS-ST ngày 24/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố X, Thành phố Hồ Chí Minh về phần án phí, lệ phí sơ thẩm.

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần quyết định kháng nghị số 2941/QĐKNPT-VKS-DS ngày 08/9/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố X về nội dung kháng nghị cấp sơ thẩm không tuyên đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn đối với phần diện tích đất 191.7m².

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn K (do các ông, bà Phan Văn B, Phan Thị Kim T, Phan Tấn L, Phan Kim Đ, Phan Văn T là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông K).

1.1. Buộc bà Lưu Thị Hoàng O và ông Phan Tấn N, ông Lưu Huỳnh N2 và bà Sơn Thị D đang sống cùng bà Lưu Thị Hoàng O tại căn nhà và đất số 1019/10 đường U có trách nhiệm trả cho các ông, bà Phan Văn B, Phan Thị Kim T, Phan Tấn L, Phan Kim Đ, Phan Văn T căn nhà diện tích sàn xây dựng 62m², diện tích khuôn viên 62m², thuộc tờ bản đồ số 34, Bộ địa chính phường H, Quận C2 (cũ) (Theo Tài liệu 2003) nay thuộc phường H, thành phố X, Thành phố Hồ Chí Minh, tọa lạc tại số 1019/10 đường U, Tổ Q, Khu phố M, phường H, thành phố X, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Bản đồ hiện trạng vị trí ngày 03/02/2021

của Trung tâm đo đạc bản đồ Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2. Ghi nhận việc các ông, bà Phan Văn B, Phan Thị Kim T, Phan Tấn L, Phan Kim Đ, Phan Văn T trả lại phần trị giá sửa chữa nhà số 1019/10 đường U, Tổ Q, Khu phố M, phường H, thành phố X, Thành phố Hồ Chí Minh cho bà Lưu Thị Hoàng O là 18.032.000đ (Mười tám triệu không trăm ba mươi hai ngàn đồng).

1.3. Ghi nhận việc các ông, bà Phan Văn B, Phan Thị Kim T, Phan Tấn L, Phan Kim Đ, Phan Văn T tự nguyện hỗ trợ 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) cho bà Lưu Thị Hoàng O và cho bà Lưu Thị Hoàng O và các ông, bà Phan Tấn N, Lưu Huỳnh N2, Sơn Thị D được lưu trú tại nhà số 1019/10 đường U, Tổ Q, Khu phố M, phường H, thành phố X, Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.1. Về án phí sơ thẩm:

Bà Lưu Thị Hoàng O chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng). Tuy nhiên do bà O là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định.

Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 901.600đ (Chín trăm lẻ một nghìn sáu trăm đồng). Tuy nhiên do tại thời điểm xét xử sơ thẩm nguyên đơn ông Phan Văn K là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định.

2.2. Về chi phí tố tụng khác:

Chi phí thẩm định giá: Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn ông Phan Văn K là các ông, bà Phan Văn Đ, Phan Văn B, Phan Thị Kim T, Phan Tấn L, Phan Kim Đ, Phan Văn T phải chịu chi phí thẩm định giá là 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng), được căn trừ vào tiền tạm ứng chi phí tố tụng của ông Phan Văn K đã nộp.

Chi phí xem xét thẩm định: Bà Lưu Thị Hoàng O phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 5.000.000đ (Năm triệu đồng), ông Phan Văn K đã nộp tạm ứng số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) nên bà Lưu Thị Hoàng O có nghĩa vụ trả lại số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn ông Phan Văn K là các ông, bà Phan Văn Đ, Phan Văn B, Phan Thị Kim T, Phan Tấn L, Phan Kim Đ, Phan Văn T.

2.3. Án phí phúc thẩm:

Bà Lưu Thị Hoàng O không phải chịu án phí phúc thẩm và thuộc trường hợp miễn nộp tạm ứng án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Tp.Hồ Chí Minh;
- TAND Tp.X, Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND Cấp cao tại Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp.X, Tp.Hồ Chí Minh;
- Cục THADS Tp.Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS Tp.X, Tp.Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (20).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Anh Minh